

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số : 5549 /UBND-TCKH

Cử Chi, ngày 27 tháng 6 năm 2024

Về việc triển khai kiểm kê thử nghiệm
tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị,
tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu
tư, quản lý

Kính gửi:

- Phòng Quản lý đô thị huyện;
- Phòng Kinh tế huyện;
- Các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;
- Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 1204/QĐ-BTC ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý, Ủy ban nhân dân huyện có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Quyết định thành lập Tổ kiểm kê do Lãnh đạo đơn vị làm Tổ trưởng và các thành viên do Thủ trưởng đơn vị quyết định theo quy định tại Công văn số 5444/BTC-QLCS ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai kiểm kê thử nghiệm.

- Thực hiện kiểm kê thử nghiệm thực tế, thời điểm chốt số liệu kiểm kê thử nghiệm: Ngày 01/5/2024.

- Chỉ tiêu kiểm kê thử nghiệm, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê thử nghiệm thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-BTC ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính về việc triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý (mẫu biểu kiểm kê và cách thức kiểm kê đã được Cục Quản lý Công sản của Bộ Tài chính cung cấp, hướng dẫn trong buổi tập huấn ngày 05/6/2024).

- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê gửi UBND huyện (thông qua Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện) trước ngày 02/7/2024.

2. Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện gửi Sở Tài chính Thành phố trước ngày 10/7/2024.

Trên đây là ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện về việc kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý. Đề nghị các đơn vị khẩn trương thực hiện./

Ghi chú: Đính kèm Quyết định số 1204/QĐ-BTC ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính; Công văn số 5444/BTC-QLCS ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. UBND huyện;
- Lưu: VT, PTCKH.2.PMThống.

Như

CHỦ TỊCH



Phạm Thị Thanh Hiền



Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 28/05/2024 14:18:49 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1204/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20/4/2023 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-BTC ngày 05/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành kế hoạch triển khai Quyết định số 213/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng kiểm kê tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý;

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh tại Công văn số 1113/UBND-KTTC ngày 06/5/2024, Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn tại Công văn số 3249/UBND-TH ngày 16/5/2024, Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2860/STC-CS ngày 13/5/20224;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý công sản.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt việc triển khai kiểm kê thử nghiệm tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị, tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý như sau:

1. Đơn vị thực hiện kiểm kê thử nghiệm gồm:

1.1. Thành phố Hồ Chí Minh: Các đối tượng kiểm kê theo Quyết định số 213/QĐ-TTg thuộc Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quận 12, huyện Củ Chi.

1.2. Tỉnh Quảng Ninh: Các đối tượng kiểm kê theo Quyết định số 213/QĐ-TTg thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thành phố Hạ Long, huyện Tiên Yên.

1.3. Tỉnh Bắc Kạn: Các đối tượng kiểm kê theo Quyết định số 213/QĐ-TTg thuộc Sở Giao thông vận tải, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, huyện Bạch Thông, huyện Ngân Sơn.

2. Thời điểm chốt số liệu kiểm kê thử nghiệm: Ngày 01/5/2024.

3. Chi tiêu kiểm kê thử nghiệm, cách thức tổng hợp kết quả kiểm kê thử nghiệm thực hiện theo Phụ lục kèm theo Quyết định này.

4. Nội dung thực hiện kiểm kê thử nghiệm:

4.1. Tập huấn, hướng dẫn kiểm kê thử nghiệm.

4.2. Thực hiện kiểm kê thử nghiệm thực tế.

4.3. Báo cáo, tổng hợp kết quả kiểm kê.

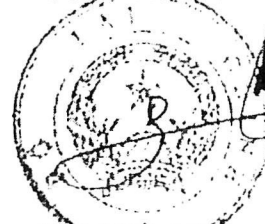
5. Thời gian kiểm kê thử nghiệm: Hoàn thành trước ngày 15/7/2024.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Quản lý công sản, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Kạn và Thủ trưởng các cơ quan tại Điều 1 Quyết định này chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Tru*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/cáo);
- Phó Thủ tướng CP Lê Minh Khai (để b/cáo);
- Bộ trưởng Hồ Đức Phớc (để b/cáo);
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố: TP Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Kạn;
- Lưu: VT, QLCS. (20) *L*

**KT.BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

BỘ TÀI CHÍNH

Phụ lục

HƯỚNG DẪN CHỈ TIÊU KIỂM KÊ, CÁCH THỨC TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM KÊ THỬ NGHIỆM

(Kèm theo Quyết định số 1204/QĐ-BTC ngày 28/5/2024 của Bộ Tài chính)

1. Mẫu Biên bản kiểm kê:

1. Mẫu số 01-BB/TSCĐ: Biên bản kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.
2. Mẫu số 02-BB/HTĐB: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
3. Mẫu số 03-BB/HTDSQG: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt quốc gia.
4. Mẫu số 04-BB/HTĐSDT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt đô thị.
5. Mẫu số 05-BB/HTĐT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.
6. Mẫu số 06-BB/HTHK: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng không.
7. Mẫu số 07-BB/HTHH: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải.
8. Mẫu số 08-BB/HTNS: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.
9. Mẫu số 09-BB/HTTL: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.
10. Mẫu số 10-BB/HTTMC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.
11. Mẫu số 11-BB/HTCCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.
12. Mẫu số 12-BB/HTKCN: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.
13. Mẫu số 13-BB/HTKKT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.
14. Mẫu số 14-BB/HTKCNC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).
15. Mẫu số 15-BB/HTTTTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.
16. Mẫu số 16-BB/HTĐĐ: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đê điều.

17. Mẫu số 17-BB/HTCC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

18. Mẫu số 18-BB/HTVHTT: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa.

19. Mẫu số 19-BB/HTKTC: Biên bản kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

II. Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê:

1. Mẫu số 01a-BC/TSCĐ, 01b-BC/TSCĐ, 01c-BC/TSCĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị.

2. Mẫu số 02a-BC/HTĐB, 02b-BC/HTĐB, 02c-BC/HTĐB: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Mẫu số 03a-BC/HTĐSQG, 03b-BC/HTĐSQG: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt quốc gia.

4. Mẫu số 04a-BC/HTĐSDT, 04b-BC/HTĐSDT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt đô thị.

5. Mẫu số 05a-BC/HTĐTNĐ, 05b-BC/HTĐTNĐ, 05c-BC/HTĐTNĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa.

6. Mẫu số 06a-BC/HTHK, 06b-BC/HTHK: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng không.

7. Mẫu số 07a-BC/HTHH, 07b-BC/HTHH, 07c-BC/HTHH: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng giao thông hàng hải.

8. Mẫu số 08a-BC/HTNS, 08b-BC/HTNS, 08c-BC/HTNS: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

9. Mẫu số 09a-BC/HTTL, 09b-BC/HTTL, 09c-BC/HTTL: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi.

10. Mẫu số 10a-BC/HTTMC, 10b-BC/HTTMC, 10c-BC/HTTMC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thương mại là chợ.

11. Mẫu số 11a-BC/HTCCN, 11b-BC/HTCCN, 11c-BC/HTCCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp.

12. Mẫu số 12a-BC/HTKCN, 12b-BC/HTKCN, 12c-BC/HTKCN: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

13. Mẫu số 13a-BC/HTKKT, 13b-BC/HTKKT, 13c-BC/HTKKT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu kinh tế.

14. Mẫu số 14a-BC/HTKCNC, 14b-BC/HTKCNC, 14c-BC/HTKCNC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ cao (bao gồm cả khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao).

15. Mẫu số 15a-BC/HTTTTT, 15b-BC/HTTTTT, 15c-BC/HTTTTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung.

16. Mẫu số 16a-BC/HTĐĐ, 16b-BC/HTĐĐ, 16c-BC/HTĐĐ: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng ứng phó với biến đổi khí hậu là đề điều.

17. Mẫu số 17a-BC/HTCC, 17b-BC/HTCC, 17c-BC/HTCC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng cảng cá.

18. Mẫu số 18a-BC/HTVHTT, 18b-BC/HTVHTT, 18c-BC/HTVHTT: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng thuộc thiết chế văn hóa, thiết chế thể thao, làng văn hóa.

19. Mẫu số 19a-BC/HTKTC, 19b-BC/HTKTC, 19c-BC/HTKTC: Biểu mẫu báo cáo kết quả kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng kỹ thuật là không gian xây dựng ngầm đô thị.

III. Xác định chỉ tiêu về giá trị tài sản tại các mẫu, biểu tại Mục I, Mục II:

1. Đối với các tài sản đang được theo dõi trên sổ kế toán thì xác định giá trị tài sản theo nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản trên sổ kế toán tại thời điểm kiểm kê.

2. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán thì đối tượng thực hiện kiểm kê có trách nhiệm căn cứ vào các hồ sơ liên quan đến tài sản để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản như sau:

2.1. Đối với tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị:

a) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm có hồ sơ xác định giá mua và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

b) Đối với tài sản cố định hữu hình hình thành từ đầu tư xây dựng có hồ sơ xác định giá xây dựng và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

c) Đối với tài sản cố định hữu hình không có hồ sơ xác định giá mua hoặc giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá mua mới của tài sản cùng loại hoặc giá xây dựng mới của tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng (Văn bản liên quan đến nghiệm thu, đưa tài sản vào sử dụng; Biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản; nguyên giá của tài sản tương đương đã hạch toán;...) thì nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a2 khoản 5 Điều 6 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

d) Đối với tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất thì nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính

đ) Đối với tài sản cố định vô hình không phải là quyền sử dụng đất: Trường hợp có căn cứ (Hóa đơn, chứng từ, phê duyệt dự toán, quyết toán,...) để xác định được chi phí hình thành tài sản cố định vô hình thì nguyên giá được xác định là toàn bộ các chi phí hình thành tài sản cố định vô hình đó.

e) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo các điểm a, b, c, d, đ được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính.

2.2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông (trừ tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ), thủy lợi:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 75/2018/TT-BTC ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a được xác định như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{còn lại} \\ \text{của tài sản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Nguyên giá tài} \\ \text{sản xác định} \\ \text{theo điểm a} \end{array} \times \left[1 - \frac{\text{Thời gian đã sử dụng của tài sản} \\ \text{(năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn của tài} \\ \text{sản cùng loại theo quy định tại} \\ \text{Thông tư số 75/2018/TT-BTC} \\ \text{ngày 17/8/2018 của Bộ Tài chính} \\ \text{(năm)}} \right]$$

2.3. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại được xác định theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư số 35/2022/TT-BTC ngày 16/6/2022 của Bộ Tài chính.

2.4. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Nguyên giá được xác định theo quy định tại điểm a1, điểm a2 khoản 5 Điều 5 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

b) Giá trị còn lại được xác định theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 73/2022/TT-BTC ngày 15/12/2022 của Bộ Tài chính.

2.5. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng khác:

a) Đối với tài sản có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó và thời điểm đưa tài sản vào sử dụng của tài sản đó thì nguyên giá được xác định theo giá trị quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Trường hợp đã hoàn thành nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm định quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

b) Đối với tài sản không có hồ sơ xác định giá xây dựng của tài sản đó nhưng có căn cứ để xác định thời điểm đưa tài sản vào sử dụng và giá xây dựng mới của tài sản tương đương (về quy mô, cấp độ kỹ thuật) tại thời điểm đưa tài sản vào sử dụng thì nguyên giá của tài sản được xác định bằng giá xây dựng mới của tài sản tương đương.

c) Giá trị còn lại của tài sản đã xác định nguyên giá theo điểm a, điểm b được xác định như sau:

$$\text{Giá trị còn lại của tài sản} = \text{Nguyên giá tài sản xác định theo điểm a, điểm b} \times \left[1 - \frac{\text{Thời gian đã sử dụng của tài sản (năm)}}{\text{Thời gian tính hao mòn của tài sản theo Phụ lục kèm theo Công văn này (năm)}} \right]$$

3. Đối với tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo điểm 2 Mục này thì xác định nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản là 1 đồng. Trường hợp các tài sản này có đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt mà dự án đó hoàn thành nghiệm thu từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2024 thì bổ sung thêm cột “Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo” vào sau cột “Giá trị còn lại” tại các Biên bản kiểm kê và Báo cáo kết quả kiểm kê để ghi nhận các giá trị này. Giá trị đầu tư nâng cấp, mở rộng, cải tạo ghi nhận là giá trị theo quyết toán được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trường hợp đã hoàn thành nghiệm thu nhưng chưa có quyết toán thì xác định theo thứ tự ưu tiên sau:

- Giá trị thẩm định quyết toán;
- Giá trị đề nghị quyết toán;
- Giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B;
- Giá trị theo hợp đồng hoặc hợp đồng điều chỉnh lần gần nhất đã ký kết;
- Giá trị tổng mức đầu tư hoặc dự toán dự án được phê duyệt hoặc dự toán dự án được điều chỉnh lần gần nhất (trong trường hợp dự toán dự án được điều chỉnh).

4. Nguyên giá và giá trị còn lại xác định theo hướng dẫn tại điểm 2 Mục III này được sử dụng để phục vụ việc tổng kiểm kê và làm căn cứ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện hạch toán tài sản theo quy định. Trường hợp tài sản chưa được theo dõi trên sổ kế toán và không có căn cứ để xác định nguyên giá, giá trị còn lại theo hướng dẫn tại điểm 3 Mục này thì sau khi hoàn thành việc kiểm kê, cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý tài sản có trách nhiệm xác định nguyên giá, giá trị còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật tương ứng với từng loại tài sản để quản lý, theo dõi, hạch toán theo quy định.

IV. Đối tượng thực hiện kiểm kê

Đối tượng thực hiện kiểm kê được xác định theo Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và chi tiết cụ thể theo các Mẫu Biên bản kiểm kê kèm theo Công văn này.

V. Tổng hợp báo cáo kết quả kiểm kê:

1. Bộ, cơ quan trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp không có vốn nhà nước được Bộ, cơ quan trung ương giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng, kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp do Bộ, cơ quan trung ương là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp (riêng đối với tài sản kết cấu hạ tầng hàng không, hàng hải, đường sắt thì Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của Tổng công ty Hàng không Việt Nam, Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, Tổng công ty Đường sắt Việt Nam).

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả tài sản của cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã) trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp huyện, báo cáo của các Sở, ngành, cơ quan khác thuộc tỉnh, báo cáo của Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy, kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại doanh nghiệp, kết quả kiểm kê của các doanh nghiệp không có vốn nhà nước được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan của Đảng và đơn vị sự nghiệp của Đảng là đơn vị dự toán thuộc Tỉnh ủy, Thành ủy trực thuộc trung ương.

4. Sở, ngành thuộc tỉnh chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc Sở, ngành.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện (bao gồm cả tài sản của cấp huyện và cấp xã) trên cơ sở báo cáo của Ủy ban nhân dân cấp xã, báo cáo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện, kết quả kiểm kê

của các doanh nghiệp không có vốn nhà nước được Ủy ban nhân dân cấp huyện giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm kê tài sản do xã quản lý./.

De Xuyet

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2024
 Chạy PTCT 1 thu đủ 2862
 cân mô dùng 1 lần qua

Kính gửi:

UBND HUYỆN CỒ CHI

Số 3488

ĐẾN Ngày 21/5/24

Chuyên:

Số và ký hiệu:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Kạn;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Bắc Kạn.



c) Địa điểm, thành phần: Theo Phụ lục (đính kèm).

3. Bộ Tài chính (Cục Quản lý công sản) sẽ cử cán bộ phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc đối tượng kiểm kê thử nghiệm trong suốt quá trình kiểm kê thử nghiệm tại Bộ, địa phương (từ triển khai kiểm kê thực tế đến tổng hợp, báo cáo kết quả, rút kinh nghiệm kiểm kê thử nghiệm). Đề nghị Quý cơ quan phối hợp với cán bộ của Cục Quản lý công sản để triển khai thực hiện.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý cơ quan./. ✓

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ Tài chính (để b/cáo);
- Sở GTVT tỉnh Quảng Ninh, Bắc Kạn;
- Sở Xây dựng TP HCM;
- Sở NN&PTNT TP HCM, Quảng Ninh, Bắc Kạn;
- UBND các quận/huyện: Quận 12, huyện Củ Chi (TP HCM), TP Hạ Long, huyện Tiên Yên (tỉnh Quảng Ninh), huyện Bạch Thông, huyện Ngân Sơn (tỉnh Bắc Kạn);
- Lưu: VT, QLCS. (20) ✓

TL.BỘ TRƯỞNG
CỤC QUẢN LÝ CÔNG SẢN



Nguyễn Tân Thịnh